



Hồi ký Văn nghệ

BINH NGUYEN LOC

HỒI KÝ VĂN NGHỆ

Bình Nguyên Lộc

hồi ký văn nghệ

bình nguyên lộc

Bìa: *Internet*

Trình bày: ***Muôn Phương***

Nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

hồi ký
văn nghệ

BÌNH NGUYỄN LỘC

ÔNG, BÀ BÚT TRÀ

(Chương ký ức về Ông Bà Bút Trà có thể là bài viết cuối cùng của tập “HỒI KÝ VĂN NGHỆ” để sau đó BNL bước sang “Hồi Ký về viết báo”, và thời điểm viết xong bài này có lẽ là khoảng đầu năm 1987, không bao lâu trước ngày nhà văn Bình Nguyên Lộc qua đời. Lời BBT)

Trước năm 1928, thì ở Sài Gòn chỉ vốn vẹn có ba trường trung học công lập, cả ba đều dạy chương trình Pháp, dĩ nhiên là như vậy vì thời đó Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp. Ba trường đó là: Trường áo tím, tên mà dân chúng đặt ra để gọi với nhau. Tên thật của nó là Trường nữ Trung

học Nam Kỳ, nhưng bằng tiếng Pháp là Collège des Jeunes filles de la Cochinchine, về sau ông Ngô Đình Diệm cho đặt tên lại là Nữ Trung học Gia Long. Trường thứ nhì là Trường Sư phạm, chỉ để dành cho con trai, và chuyên luyện thầy giáo. Trường thứ ba cần được nói hơi dài, vì nó là đầu dây mối nhợ gây ra cuộc ly khai Việt Pháp. Đó là trường Chasseloup Laubat (Lycée Chasseloup Laubat) Pháp và Việt học chung. Có học sinh nội trú và học sinh ngoại trú, không mục đích đào luyện cái gì hết, hay nói cho đúng là đào luyện bọn tú tài đủ khả năng vào các đại học Pháp.

Ngày nào học sinh nội trú của trường này cũng đánh nhau chí tử. Chắc không cần giải thích dài dòng mà ai cũng đoán biết được đôi bên tham chiến là ai. Đó là Việt và Pháp. Họ đánh nhau suốt mấy chục năm trường như vậy thì Pháp đầu hàng, đành phải xây cất trường Lycée Trương Vĩnh Ký

để dành cho học sinh Việt Nam. Chỉ có cậu Việt nào mà là Pháp mũi tet mới còn được cho tiếp tục học ở Chasseloup Laubat, còn thì tất cả đều bị đẩy sang Trương Vĩnh Ký. Vào năm 1928 thì trường này chỉ mới được xây cất có non hai phần ba, chưa có hàng rào, chưa có cây trồng, nhưng trường cứ mở cửa khai giảng: tổng cổ mấy thằng An-nam-mít ra khỏi Chasseloup Laubat sớm chừng nào hay chừng nấy. (Ông hoàng Si-hà-núc thì còn được ở lại với Pháp mặc dầu ông ta không có Pháp tịch).

Cho tới năm 1929 thì tôi mới rời trường tiểu học tỉnh để xuống Sài Gòn, cách nhà tôi 30 miles, để theo học trung học. Dĩ nhiên là tôi phải học ở Trương Vĩnh Ký. Tôi tự hỏi, nếu không có trường Trương Vĩnh Ký, tôi sẽ ra sao vì trường Chasseloup Laubat, lấy học phí và trú phí cao lắm, đến năm mươi đồng mỗi tháng, vượt quá khả năng tài chánh của gia đình tôi. Vào năm 1929

thì 50 đồng là món tiền khá to tác. Ở nông thôn, nhà giàu làm một bữa giỗ thật to mà chỉ phải tiêu có 15 đồng thôi. Tôi có lợi vì nghèo mà vẫn học được bởi trường Trương Vĩnh Ký chỉ lấy có 25 đồng. Lợi thứ nhì là khỏi bị Tây đánh. Mặc dầu Tây cũng bị đánh như tử (theo lời chú tôi kể lại), nhưng Tây nó to con, đánh đau hơn ta.

* * *

Tôi học được vài năm thì đã 17 tuổi. Con trai thuở đó còn khờ, 17 rồi mà chỉ biết học, chuyện đời dốt thấy mồ. Tôi có người anh họ tên là Tô Văn Giỏi. Anh nầy cũng là con nhà nghèo, nên học trung học tư thực (trường đạo Taberd) được vài năm thì phải bỏ học, vì tư thực cũng lấy học phí rất cao, mà anh ấy học dở nên không thi vào trường công lập được cho đỡ tốn tiền. (Trường công lập chỉ nhận học trò ưu tú, phải qua

lọt một kỳ thi khó khăn mới được kết nạp, cho dầu là phải đóng tiền hằng tháng, chưa nói đến các anh thi lấy học bổng thì lại còn phải vượt Vũ Môn, khó khăn hơn nhiều).

Anh Giỏi ấy bỏ học, ra đời kiếm ăn. (Anh ấy cao niên hơn tôi 10 tuổi) Và anh ấy rơi vào hũ nếp. Anh làm thư ký kế toán cho một bà nhà giàu kia, tên là bà Tô Thị Thân. Viết tới đây, kẻ viết bài này cần nói ngay là bà Tô Thị Thân chẳng ai đâu lạ. Về sau bà này là bà Bút Trà, một nhân vật mà bất kỳ ai cũng biết tên, vì bà ấy làm chủ một tờ báo hằng ngày, có một dạo nhiều năm, là tờ báo bán mạnh nhứt ở miền Nam nước Việt. Sở dĩ là tôi phải nêu ngay tên của bà Bút Trà ra, vì nay bà đã ra người thiên cổ. Tôi có bốn phận để yên người quá cố, nên tôi cần cầu xin sự tha thứ của linh hồn bà. Nhưng trong bài này, tôi chỉ khen ngợi bà, chớ không hề nói xấu bà lần nào hết, nên

tôi thấy rằng tôi chẳng có phạm tội nào cả đối với một người vắng mặt.

Bà Tô Thị Thân là người đàn bà Việt Nam thuộc vào hạng phụ nữ Việt Nam cao lớn nhất nước. Bà có đẹp hay không vào thuở đó? Tôi bảo đảm là bà ấy rất đẹp. Nhưng tình trạng giàu có của bà với lại sắc đẹp của bà thật ra chẳng có gì đáng kể đối với tài tháo vát của bà mà tôi sẽ kể ra dưới đây.

Bà ấy kết hôn với một ông nhà giàu người Tàu. Ông ấy làm chủ đến hai mươi cơ sở doanh thương ở Sài Gòn – Chợ Lớn, cả hai mươi cơ sở đều do bà ấy đứng tên làm chủ chánh thức, ông Tàu kia không thích chường mặt ra, theo thói quen của người Hoa kiều ở miền Nam nước ta. Vì lấy chồng Tàu, nên bà ấy tiêm nhiễm Tàu, mà một điểm là xem bất kỳ người nào mang họ Tô, xem kẻ ấy như là bà con cật ruột. Người

anh họ tôi được bà ấy rất tin cậy, chỉ vì anh ấy họ Tô, chớ thật ra thì anh ấy chẳng có tài cán gì đặc biệt, mà đạo đức thì cũng chỉ là phè vạy thôi. Đạo đức ở đây là đạo đức về mặt phụ nữ, chớ về mặt tiền bạc thì anh ấy rất tốt, đó cũng là một điều khiến bà Tô Thị Thân mến anh ấy thêm. Bà nhà giàu này, về sau, khi lấy chồng Việt Nam, đã xây cất biệt thự lớn ở Phú Nhuận, nhưng bà ấy nhứt định tiếp tục sống trong căn nhà liên kế, tòa soạn của tờ nhật báo Sài Gòn Mới, chớ không chịu dọn về ngôi biệt thự đẹp, vốn bỏ không, chớ không phải là cho Hoa Kỳ thuê đâu. Ấy, đó là một điểm nhiễm Tàu nữa. Người Tàu họ rất ngại đổi chỗ cư ngụ, hoặc dời cơ sở làm ăn của họ đến một địa điểm khác. Bà mang tục danh là Bà chị Bốn bình, chỉ vì bà bám mãi vào căn nhà thuê trước cái bồn cỏ tròn, nằm giữa tòa soạn của bà và chợ Bến Thành.

Vào cái năm mà tôi được 17 tuổi thì báo chí ở Sài Gòn đang cạn đề tài giật gân ăn khách, nên họ moi óc tìm chuyện sensationnelle (giật gân). Họ đã tìm được: bao nhiêu tờ báo đều đua nhau chửi các tiệm cầm đồ. Ấy, hai mươi cơ sở doanh thương của bà Thân là hai mươi hiệu cầm đồ. Nói là “Đồ”, là ám chỉ đủ thứ đồ vật, kể cả bàn ghế, nhưng thật ra thì những hiệu này, chỉ cần thế nữ trang vàng và hột xoàn mà thôi. Báo chí đưa ra đề tài chủ lực này: “Tiệm cầm đồ hút máu dân, cần phải bị rút lại giấy phép”.

Ta cần bình tĩnh để nghĩ lại. Hỏi vậy mấy mươi người Ấn Độ cho vay thật nặng lãi, nặng bằng mười bà Bút Trà thì sao chẳng ai nói đến, chẳng bị ai chửi là hút máu dân?

Vì thế mà bà Tô Thị Thân mới phẫn nộ.

Nhưng bà phần nộ ngầm, bề ngoài vẫn tươi cười như chẳng có gì hết. Thế mới là ghê gớm. Và bà hành động còn ghê gớm hơn nhiều. Một hôm bà gọi anh Tô Văn Giỏi mà hỏi:

– Em Giỏi nè, em có biết ông nào viết nhựt trình thiệt giỏi, mà ăn lương rẻ hay không?

Về sau mỗi lần anh em tôi nhắc đến bà Bút Trà, là chúng tôi không bao giờ quên cái điểm giỏi mà ăn rẻ hết. Thật là đáng tức cười. Bà ấy đứng vào quan điểm người lái buôn để nói chuyện mà người lái buôn nào cũng thế cả, đòi hàng tốt mà giá rẻ, chớ không riêng gì bà ấy. Mà kể cả khách hàng là ta đây cũng thế, chính ta cũng đòi hàng tốt mà giá rẻ kia mà!

Anh Giỏi tôi rất bối rối. Anh ấy nào có quen biết với ông nào viết nhựt trình (viết báo) đâu. Nhưng anh vốn được bà Tô

Thị Thân xem là nhân viên lỗi lạc, nên anh chẳng dám thắng thần thú nhận rằng mình dốt. Anh ấy hỏi bậy một câu để tìm kế hoãn binh.

– Chi vậy, thưa bà chủ?

– Chị muốn lập ra một tờ nhứt trình (ý bà ấy nói muốn ra báo, mở báo) để chửi lại cái tụi đã chửi chị.

Anh Giỏi tôi rụng rời. Không bao giờ mà anh ấy nghĩ đến một chuyện động trời như vậy. Từ bao lâu nay, con buôn nào cũng chỉ hành động có một trong ba cách: Thứ nhứt cắn răng mà chịu đựng khi nào bị báo chí chửi. Thứ nhì hối lộ cho các ký giả viết bài chửi bới. Thứ ba thuê du côn đánh các ký giả đó. Bà Tô Thị Thân là người đầu tiên nghĩ ra giải pháp thứ tư. Mà bà là người chẳng viết được câu văn nào cả. Thật là oanh liệt. Hàn Tín đâu có giỏi múa gươm chém ai, thế nên đã phải lòn tròn một tên

vũ phu vô lại. Ấy thế mà về sau Hàn Tín đã làm rung chuyển cả nước Tàu. Người oanh liệt là người như thế đó.

– Được, bà chủ để em lo cho.

Anh ấy nói liêu, nhưng cũng cơ sở phần nào: anh ấy nghĩ đến tôi. Hôm đó là hôm thứ sáu trong tuần. Tôi đang bị bỏ tù trong nội trú, nên chẳng phải là chứng nhân của cuộc đối thoại giữa bà chủ và anh kế toán viên của bà. Tại sao anh ấy lại nghĩ đến tôi? Thuở đó tôi đã bắt đầu ham văn chương lắm, mặc dầu tôi, cũng như bà Bút Trà, chưa biết viết câu văn nào hết. Anh họ của tôi biết tôi hay tìm chơi với ai nhà văn, nhà thơ. Những nhà văn mà tôi thường tới thăm nhứt là hai người kia.

Người thứ nhứt, tên thật là Lê Hoàng Mưu, bút hiệu là Mộng Huê Lầu. Mộng Huê Lầu, không có nghĩa là cái lầu trong đó có những giấc mộng hoa nào hết mà

chỉ là mấy chữ trong cái tên thật Lê Hoàng Mưu, rút ra, rồi ghép lại đó thôi, cũng như Khái Hưng về sau, chỉ là mấy chữ trong tên thật Khánh Giu ghép lại. Năm đó Lê Hoàng Mưu đã già rồi, không còn viết lách nữa, như nhà văn đang lên là Hồ Biểu Chánh. Nhưng Hồ Biểu Chánh đang làm quan to, tôi chẳng dám làm quen như với Lê Hoàng Mưu là người rất bình dị.

Người thứ nhì không có biệt hiệu, tên thật là Trương Quang Tiền (chữ Quang, bị nhân viên hộ tịch viết sai thành Quan, thành thử anh ấy suốt đời phải mang tục danh: “Một quan tiền tốt mang đi, anh mua những gì mà tính chẳng ra?”)

Anh Trương Quang Tiền là một nhân vật mà sự nghiệp đáng được nhắc lại đây. Đó là người đầu tiên có can đảm mở báo hằng ngày ở tỉnh xa. Đó là tờ An Hà nhật báo, xuất bản tại Cần Thơ vào những năm

1920. Non nửa thế kỷ sau, nhà văn An Khê, được sự hỗ trợ của một tỷ phú ở Sài Gòn, ông Thành, chủ nhật báo Tin Sáng, lại đi theo lối mòn của Trương Quang Tiền, mà vẫn chẳng thành công gì hơn Trương Quang Tiền tí nào cả.

Anh ký giả lão thành họ Trương, năm đó cũng đã thôi viết báo, nhưng còn hoạt động: anh sống về nghề viết tuồng cải lương tại Sài Gòn. Anh ấy là người đồng hương với chúng tôi, nhưng anh Giỏi chẳng phải là bạn đồng tâm với anh Tiền, nên định nhờ tôi tiếp xúc với anh Tiền và Lê Hoàng Mưu, hai người có thể chấp nhận “lương rẻ” của bà Bút Trà, vì một đảng đang thất nghiệp, một đảng thích trở lại nghề báo.

Anh Giỏi là người bảo trợ của tôi. Chẳng biết cái chức gì ấy, nói tiếng Việt là sao, chỉ biết tiếng Pháp mà trường Lycée Trương Vĩnh Ký dùng là Correspon-

dant. Bất kỳ học sinh nội trú nào cũng phải có Correspondant trong thành phố mà trường học tọa lạc. Người này có quyền lãnh em út ra chơi, ngay từ chiều thứ bảy, thay vì vào ngày chúa nhật, theo quy chế của nhà trường. Và chiều hôm sau, anh ấy vào trường rước tôi ra chơi, mà nội đêm ấy, anh yêu cầu tôi cứu anh để anh khỏi mất mặt với bà Tô Thị Thân.

Tôi chẳng biết Ất, Giáp vì về báo chí hết, nhưng tôi nhận lời, và hơn thế, tôi đi tìm Trương Quang Tiên tức thì. Tôi đâu có dè Lê Hoàng Mưu và Trương Quang Tiên đã lụi nghề rồi, bị bọn sau vượt quá xa, chẳng giúp ích gì được bà Tô Thị Thân hết, nếu hai ông ấy mà nhận lời đi nữa. Nhưng anh Trương Quang Tiên lại giúp tôi, bằng cách khác, và nhờ vậy mà hai nhân vật đang tối tăm, hóa ra vang danh một thời: đó là bà và ông Bút Trà, ông này tôi cũng có gặp đôi

lần, tại nhà Trương Quang Tiền, mà tôi chỉ “Kính nhi viễn chi¹” thôi.

* * *

Ông Bút Trà quê ở miền Trung, giữa núi Bút Sơn và sông Trà Khúc. Thuở đó ông vào Sài Gòn, sống như là một ông thầy thuốc du phương. Nhưng ông hay thơ, làm thơ cổ thật đúng niêm luật, còn chữ thì đối nhau chan chát. Văn tài như thế thì cam phận làm thầy thuốc du phương là rất biết điều vậy. Chỉ có tôi là ngớ ngẩn, tin rằng ông ta có thể viết báo được, nhứt là sẽ đủ khả năng đương đầu với báo chí Sài Gòn. Anh Trương Quang Tiền cũng ngớ ngẩn không kém. Anh ấy thích làm thơ Đường, nhưng dở hơn ông Bút Trà, thế mà anh ấy cũng tin rằng ông Bút Trà sẽ làm được việc

1 kính trọng nhưng không dám gần; về ngoài thì tỏ cung kính, nhưng trong lòng lại giữ khoảng cách.

hơn anh, là người kém thơ Đường. Thật là một lũ điếc chẳng sợ súng. Dầu sao anh Tiền cũng là người tốt. Riêng anh, anh còn kiếm được tiền trong giới cải lương, còn bạn anh, ông thầy thuốc du phương thì rất ế khách, nên anh nhường cái “Rộp” lương thấp cho bạn vậy.

Tôi còn nhớ ông Bút Trà thấy tôi phục ông lắm nên ông có cho tôi sáu câu đối, chẳng biết do ông sáng tác, hay là cóp ở sách nào. Sáu câu ấy, chia ra làm ba cặp như sau:

Ba kỷ Nhan Hồi, ba kỷ bấu

Một đời Bành Tổ, một đời thừa

và

Nước non cổ điển tuông ưu liệt

Mưa gió đâu lay chí Hộ Hồng

và

Ngũ Hồ ký tích Đào Công nghiệp

Tứ Hải giao tình Ân Tử phong

Và nhân vật điếc không sợ súng, to hơn cả trong vụ này, là chính ông Bút Trà, ông ấy tin rằng ông ấy thành công, nên sau khi anh Tiên đưa tôi đi tìm ông ấy, nói rõ mục đích của tôi, thì ông ấy nhận lời ngay tức khắc.

* * *

Tờ hằng ngày mà bà Tô Thị Thân muốn cho nó gia nhập chiến trường Sài Gòn, để chửi bới, mang tên là Sài Gòn Họa báo. Cái tên là như thế, nhưng trên báo, chẳng có bức tranh vẽ nào cả. Và người đứng tên cứ là Bà, chớ chẳng có ông nào hết, y như trong việc doanh thương.

Và điều này kỳ lạ hơn hết là bà Tô Thị

Thân cấm không cho ông Bút Trà chửi ai cả.

Tôi nói cấm, là nói đúng sự thật. Chính bà Tô Thị Thân làm chủ bút thật sự, một trăm phần trăm. Chính mắt bà xem lại bài vở của nhân viên tòa soạn. Chính tay bà chọn bài lai cáo, như thế mãi cho đến ngày tờ báo bị đốt nhà, vào dịp đảo chánh ông Ngô Đình Diệm. Rõ ràng đó là một người đàn bà oanh liệt. Và tờ báo bán mạnh là nhờ cả ở bà, chứ ông Bút Trà chẳng trở tài được lần nào hết.

Tiểu thuyết gia Trọng Nguyên, Tổng thư ký tòa soạn của nhật báo Sài Gòn Mới có tâm sự với tôi:

– Khi nào bà ấy quá bận về việc khác, bà ấy chỉ thị cho tôi làm việc, đúng y như bà đã làm. Có tôi, bà cũng cứ thủ vai chánh. Bà chỉ cần tôi về mặt kỹ thuật mà thôi. Tôi

chết đi, bất kỳ ai thay thế cũng được, bởi cứ còn bà.

Về sau, tôi đã có tên tuổi rồi, mà tôi đề nghị giúp bà, bà ấy thẳng thắn từ chối. Bà nói một câu khiến tôi phục lẫn bà:

– Tôi chỉ đăng bài mà chị bán cá có đọc cũng hiểu. Cậu viết khó hiểu, người bình dân không đọc đâu.

Thật là chí lý. Và nhờ đường lối đó mà báo của bà có đông độc giả. Việc tặng quà, việc ra báo có màu có mè, quả có giúp thêm cho bà rất nhiều, nhưng đường lối hạ thấp phong độ vẫn cứ giữ vai trò hữu hiệu của nó.

Thiên hạ đều chê bà Bút Trà, đều chửi bà, riêng tôi, tôi cứ thấy là bà có lý của bà, và cái lý ấy, không là cái lý điên cuồng đâu. Bà là người buôn bán chợ đầu phải là nhà văn hóa. Và người buôn bán ấy cứ tiếp tục

giỏi buôn bán, giỏi ngoài thương trường và giỏi cả trong làng báo.

Ở Sài Gòn, chẳng ai biết tôi đã quen nhiều với bà họ Tô, vì tôi rất ít tìm cách gặp bà. Vả lại tôi thừa biết rằng bà cũng tránh tôi, vì tôi là nhơn chứng của một thời mà bà không thích ai nhắc tới. Hơn thế có thể nói tôi là kẻ đã đưa bà lên cái địa vị cao sang về sau này. Thường thì con người thích nhơn chứng của việc làm phước thiện hay anh hùng của họ, thí dụ thấy họ đã vượt được người chết đuối, chớ không ham bị ai biết quá nhiều về bước đầu không hay của họ, nhứt là họ thích lên cao một mình, rủi ro có ai đưa họ lên cao, tài của họ sẽ bị giảm đi.

Nếu ông Bút Trà có thật quyền, chắc ông đã cho đăng rất nhiều bài thơ Đường đúng niêm luật của ông, trong một tờ báo hằng ngày mà độc giả chẳng còn ai biết chữ

nho và niêm luật là gì nữa hết.

Thái độ của tờ báo của bà Bút Trà, cũng rất đáng được nói đến, và tôi tin rằng đó là mưu lược của bà, chứ không phải của ông đâu. Người ta chửi bà, gọi bà là thím Xôi (chồng Tàu của bà có tục danh là chú Xôi). Báo bà trả lời ngắn gọn: “Ừ, tôi tên là thím Xôi thì đã sao kia chứ? Thím ấy có làm hại xã hội bằng những bài vở khiêu dâm chẳng? Có nêu gương đồi phong bại tục chẳng?” Chỉ giản dị có thế.

Và bà Bút Trà, theo tôi nghĩ, là người có đức hạnh. Báo ra được một thời gian, thì bà đặt vấn đề với ông chồng cũ một cách đường hoàng:

– Tôi không phản bội ba nó (Họ ở với nhau đã có con) nhưng tôi phải nói thật với ba nó là tôi hết thương ba nó, và thương ông làm nhứt trình, định kết hôn với ông ấy.

Ông Tàu toát mồ hôi lạnh, không phải vì tình, mà vì chuyện khác. Bà họ Tô lại nói thêm:

– Tài sản của vợ chồng ta, do tôi đứng tên hết, nhưng tôi không cướp của ba nó. Vậy, của chồng, công vợ, thôi thì ta chia hai vậy.

Ông chồng cũ bấy giờ mới hoàn hồn và đâm ra mếu phục vô cùng người vợ cũ sòng phẳng này.

Thế thì nếu là thím Xôi, thì đã sao kia chứ?

Người ta tiếp tục chửi nghe cầm đồ. Báo bà đáp ngắn gọn: “Hằng ngàn người khác cho vay cắt cổ, sao cứ bà họ Tô mà chửi?”

Thiên hạ bảo rằng bà quá lì, nên rồi họ thôi chửi. Và bà Tô Thị Thân thành công lớn, và cũng có thể nói là thành danh phần nào.

Khi anh Giỏi của tôi, cho bà biết sự thật về vai trò của tôi, bà chỉ thương tôi bằng một cái xoa đầu một thằng học sinh 17 tuổi, và cười nói: “Cậu bé này tiến dần người được việc.” Và chẳng có cho tôi đồng xu nào cả. Về sau lâu lắm, khi đã có cháu rồi, bà bị ông bỏ bê. Đêm đêm bà thường xuống hiệu ăn Ngân Đình ở bờ sông ngồi sông một mình, buồn xo. Có lần tôi định bụng tới bàn bà để an ủi bà nhưng bạn hữu tôi họ ngăn:

– Đừng, sẽ có thằng hiểu lầm, và ngộ máy làm thân để xin tiền mụ ấy thì chết máy.

Tôi nghe lời bạn, nên thôi, và chỉ có vài người là biết bà với tôi xưa kia đã quen nhau nhiều, và chính tôi đã tạo ra bà Bút Trà, một cách gián tiếp.

Đó là thời buồn bã nhứt trong đời bà Bút Trà. Nơi đó, đêm đêm có bàn của

Thanh Nam, có bàn của Quốc Phong, v.v... bàn nào cũng đông đảo người trong làng báo hay làng văn. Chỉ có bàn của nhà nữ triệu phú Bút Trà là vắng teo như chùa Bà Đanh. Thỉnh thoảng có cô con gái của bà, vợ của một ông tướng hiện đang còn bị cộng sản giam cầm, đến đó với bà, còn thì bà chỉ đơn phương độc mã suốt nhiều năm trường, cho đến ngày cộng sản về và bà qua đời, trong đơn lạnh, vì con bà, cả hai dòng con đều đã đông mất hết.

Tôi nói là bà Bút Trà chỉ thưởng công tôi bằng một cái xoa đầu một cậu học sinh 17 tuổi. May là tôi họ Tô, chứ nếu tôi họ Nguyễn, chắc chẳng được thưởng gì hết. Nhưng sự thật là bà Tô Thị Thân đã cho tôi rất nhiều, mà mãi về sau tôi mới biết.

Số là sau đó, tôi được nước, nên đi sâu vào làng báo, làng văn, và càng ngày càng đi sâu mãi, cho đến ngày mà tôi có tác phẩm

đầu tay để trình làng. Có thể nói mà không sợ sai là chính tôi đã tạo ra bà Bút Trà. Và ngược lại chính bà Bút Trà đã tạo ra Bình Nguyên Lộc. Duyên văn là như thế. Bà họ Tô ấy quả đã có công thật lớn với kẻ họ Tô là tôi đây. Về sau, khi tôi đã thành danh, có vô số báo ở Sài Gòn phỏng vấn tôi, để biết nguyên động lực nào đã thúc đẩy tôi bước vào làng văn, và vào năm nào. Với mỗi báo tôi đều trả lời mỗi khác, khiến các anh ấy nói với nhau: “Thằng Bình Nguyên Lộc là thằng nói dóc tổ bố, nay nói thế này, mai nói thế khác, chẳng còn biết đâu là sự thật nữa.”

Nhưng sự thật là tôi đã thành thật với tất cả mọi người. Tại vệt thình lình các anh ấy đâm sầm vào nhà tôi rồi rút giấy, rút bút ra, phỏng vấn ngay và bắt trả lời ngay, không cho tôi kịp nhớ gì hết một cách đích xác, trong khi đó thì các động lực nó lại là cái gì rất là đa nguyên. Trong trường hợp

làm việc hồi hả, tôi chỉ còn biết nhớ cái gì, nói ra cái ấy, hôm nay trình cái nguyên này, hôm sau trình cái nguyên khác, so lại thấy chúng nó chẳng ăn khớp với nhau, nên các anh ấy cho rằng tôi đã nói dối. Hôm nay, nhơn dịp viết một thứ như là hồi ký, tôi mới có đủ thì giờ để mà lội ngược thời gian thật là xa, xa tận thời tôi 17 tuổi, và mới đi tới một cái nguyên chưa hề khai với các bạn bao giờ hết.

* * *

Viết tới đây, có thể chấm dứt chương này được rồi. Nhân vật thứ nhì là ông Bút Trà, chẳng có dính líu gì đến duyên văn của tôi, tôi có thể không nói đến ông ấy. Nhưng có thể có người muốn biết về ông ấy, thành thử tôi xin thêm một đoạn ngắn.

Sau khi được cái chức ông chủ báo rồi, ông Bút Trà không còn tới lui với anh Trương Quang Tiền nữa, vì quá bận thi hành chỉ thị của bà Bút Trà hay vì quên bạn cũ thì không rõ. Vì thế mà tôi cũng không còn được gặp ông Bút Trà nữa cho đến mấy mươi năm sau. Anh Trương Quang Tiền thì buồn vô hạn, không phải là anh mong đợi phần thưởng nào đâu. Anh ấy buồn đã mất một thi hữu, chỉ có thể thôi.

Mấy mươi năm sau, tôi mới gặp lại ông Bút Trà ở một nơi rất là bất ngờ. Trong tú đồ tường, tôi chẳng dính vào bức tường nào cả. Còn ông Bút Trà thì nổi danh mê gái, và thích rượu. Nhưng rượu cũng chỉ là gái thôi, vì tụi nó gọi ông là ông anh Bìm Bịp, cũng như gọi bà là bà chị Bồn Binh. Ông ưa bỏ con chim bìm bịp vào rượu để ngâm. Người ta đồn rằng uống rượu bìm bịp thì tráng dương bổ thận. Thế thì rượu cũng chỉ là gái thôi. Trong hai người, chẳng có ai nghiện

thuốc phiện cả. Ấy thế mà chúng tôi lại gặp nhau trong một tiệm hút thuốc phiện lậu. Chắc nhiều người còn nhớ ông Tú Nguyễn Ngọc Phương, tục danh là Tú bớ tí (Tout petit – Very Dwarfish), vì ông rất bé người. Ông “nổi danh tài sắc một thì” trong làng báo hằng ngày Sài Gòn, sau 1945. Đến thời ông Ngô Đình Diệm, ông lụi nghề, không làm gì được hết, đói quá, ông bạo gan về quê ở Cao Lãnh (tỉnh Sadek) để bán ruộng, và ông bị cộng sản thủ tiêu với con trai ổng, một đứa bé lên chín. Chị Phương chẳng có nghề ngỗng gì hết, bèn mở một hiệu hút thuốc phiện lậu. Nhà đó hạn chế khách, chỉ tiếp bạn của anh Phương mà thôi. Tôi với ông Bút Trà gặp nhau ở đó. Ông ấy quên câu học sinh 17 tuổi rồi. Tôi tránh nhắc lại chuyện xưa, chỉ đọc ba cặp câu đối cũ mà thôi. Thế là ông vô lấy tôi, hỏi tôi lấy đâu ra ba cặp câu đối ấy. Tôi chỉ cười mà không đáp. Mặc dầu vậy, ông cũng cho tôi là bạn

đồng chí, đồng tâm, mặc dầu cả ông lẫn tôi không có ai nghiện thuốc phiện cả. Chúng tôi đến đó để an ủi, giúp đỡ chị Phương.

Và ông đọc thơ Đường của ông cho tôi nghe. Tôi đọc thơ tự do của tôi cho ông nghe, và ông bắt đầu biết thưởng thức thơ tự do, kể từ cuộc tái ngộ đó mà ông cho là tân ngộ. Ông có biết Bình Nguyên Lộc qua tiểu thuyết và truyện ngắn rồi, nay ông lại biết thêm Bình Nguyên Lộc có làm thơ con cóc. Đó là thời kỳ mà ông bắt đầu bỏ bê bà. Chị Tú bố tí đã tâm sự với tôi rằng cháu bé Ph. con gái của anh chị đã phải đi làm vũ nữ để nuôi gia đình, khiến tôi muốn khóc vì thương vong hồn anh tú Phương.

Anh bạn Nguyễn Ang Ca vừa viết ở báo Văn Nghệ Tiền Phong rằng cộng sản mới lấy tên anh Tú bố tí làm tên một con phố ở Sài Gòn. Thoạt tiên, tôi không tin, cho rằng báo V.N.T.P. in lầm, hoặc Nguyễn Ang

Ca lấy tin lắm, vì có thể đó là tên của người khác, ông Nguyễn Thế Phương, chủ nhân của nhật báo Thần Chung, vốn là cán bộ nằm vùng. Nhưng tôi nghĩ kỹ lại thì có thể Nguyễn Ang Ca đã viết đúng. Đó là một trong nhiều mưu lược của cộng sản thế giới. Họ lấy tên Nguyễn Ngọc Phương để đặt tên đường, là lối đánh chánh tài tình: “À, tụi bây đồn xuyên tạc là tao thủ tiêu tú Phương hả? Đâu có, bằng chứng là tao suy tôn tú Phương đây chớ.”

Cộng sản về Sài Gòn rồi thì chị tú Phương đẹp tiệm, và ông Bút Trà với tôi không còn gặp lại nhau nữa. Rồi thì sau đó, tôi và vài bạn hữu lại nghe một tin động trời là ông Bút Trà nghèo lắm, thêm một tách cà phê mà chẳng có tiền để uống.

Tôi cùng một nhà thơ (xin giấu tên vì anh ấy còn kẹt lại ở Sài Gòn) bèn rủ nhau đi thăm ông Bút Trà. Ông cứ ở căn nhà dùm

làm tòa soạn báo Sài Gòn Mới. (Tiền bạc của bà, gởi cả ở các ngân hàng và bị tịch thu hết, nên hai ông bà mới nghèo đến thế).

Chúng tôi đến nơi thì một thiếu phụ héo úa và mặc rách tiếp chúng tôi. Bà ấy tự xưng là con dâu của ông Bút Trà, khiến chúng tôi rất ngạc nhiên. Con dâu của ông bà Bút Trà đều đẹp và sang. Người này là ai? Chỉ biết đó là người độc nhút ở lại với ông, bao nhiêu người sang khác đều đã đông mất. Bà ấy xin lỗi chúng tôi, và cho biết rằng ông Bút Trà đã lú lẫn, chẳng còn nhận ra ai nữa hết. Chúng tôi buồn quá, lặng lẽ thở dài và kiếu từ ra về. Chúng tôi định bụng mời ông đi uống rượu đế và cà phê, nhưng chúng tôi đành phải đi một mình, và thương cho chúng tôi hơn là thương ông Bút Trà. Vì ngày sau, chúng tôi chắc chắn cũng sẽ lâm vào cảnh ấy. Cái ngày sau ấy không lâu đâu. Một năm sau đó thì bọn cầm bút, tất cả đều

thêm một tách cà phê, nhưng chẳng có tiền để mà uống.

Tưởng cũng nên để dành cho nhân vật thứ tư và thứ năm trong bài này vài hàng. Đó là nhà văn Lê Hoàng Mưu, biệt hiệu Mộng Huê Lầu. Vào năm 1929 đó, Lê Hoàng Mưu đã viết được nhiều tiểu thuyết lắm rồi, mà quyển nổi danh nhất là quyển “Hà Hương phong nguyệt”. Đó là tác phẩm bị các cụ phê bình thuở ấy lên án là dâm thư. Nhưng nếu ai còn được quyển tiểu thuyết đó trong tay, chắc phải cười bể bụng, không phải là cười tác giả đâu, mà là cười các cụ phê bình. Trong tiểu thuyết ấy chỉ có một chi tiết này là “phản đạo đức”: một tư chức hiếp dâm một cô gái đẹp. Tác giả chỉ viết ngắn thôi, không tả dài dòng những pha gay cấn trong đó, nhưng vẫn bị lên án như thường. Các cụ phê bình ngày nay, cũng có cụ ham lên án, nhưng 40 năm sau, phong tục thay đổi, chắc thiên hạ cũng

sẽ cười các cụ ghê lắm đó nhé.

Lê Hoàng Mưu cũng đã qua đời trong nghèo khổ, thiếu thốn, giữa một nếp nhà lá ở ngoại ô Sài Gòn, gần trường Trương Vĩnh Ký mà thuở đó được xem là ngoại ô xa nhứt, vì nó là ranh giới giữa hai thành phố Sài Gòn và Chợ lớn. Hai thành phố này chưa phát triển mạnh như về sau, chưa dính lại với nhau, và vùng ranh giới ấy là vùng hoang vu. Thuở đó học sinh, chúa nhứt ra chơi thì tám giờ tối phải có mặt tại trường. Nhưng lũ chúng tôi, chơi xong, về trường, không dám về một mình, toàn thể đều sợ ăn cướp, phần nữa lại sợ ma, nên phải tìm nhau, vậy đoàn ba bốn chục đứa thành một đội, mới dám về trường.

Nhân vật thú năm là anh Trương Quang Tiền. Anh này qua đời tại Sài Gòn năm 1947, tức 37 năm trước ông Bút Trà. Anh ấy không thọ được như người bạn thơ

đã bỏ rơi anh, chắc cũng vì thiếu thốn thuốc men, nhưng vẫn chết được trong một căn nhà gạch, không thê thảm như nhà văn Lê Hoảng Mưu.

HAI THI SĨ NGUYỄN NHƯỘC PHÁP VÀ HÀ THƯỢNG NHÂN

Kẻ viết bài này chưa có thì giờ để thảo hồi ký. Và có thể chẳng bao giờ thảo ra cũng nên, vì tử thần có thể mau chơn hơn. Mặc dầu vậy, những bài sau đây, cũng cứ là hồi ký phần nào, nhưng chỉ được hạn chế trong vòng liên hệ giữa thuật giả và làng văn nghệ với lại làng báo mà thôi. Nếu may ra không chết gấp, thuật giả sẽ cứ viết mãi, và bấy giờ sẽ nói đến những chuyện ở

ngoài làng, chuyên từ lên sáu cho đến ngày nay, và tập hồi ký đó sẽ mang tên khác là “Nếu tôi nhớ kỹ”.

Hồi còn thanh xuân, tôi chuyên môn viết thơ cho các nhà văn, nhà thơ mà tôi phục tãi. Viết lu bù, viết tối ngày không biết mỏi. Tôi cứ tưởng chỉ có một mình tôi là làm như vậy thôi. Không dè lớn lên, tôi làm văn thì cũng nhận được lu bù thơ, đa số cũng là của tuổi trẻ viết. Cuộc đời cứ vẫn xoay, lớp sau, chẳng khác lớp trước đáng kể.

Viết thì nhiều, mà nhận được chẳng bao nhiêu. Mình viết một bức thơ thường, chưa ra hồn, thì ai thềm phúc đáp thơ mình. Tôi chỉ nhớ có ba người mà tôi gửi thơ dai dẳng. Người thứ nhứt là Nguyễn Tuân. Ông ấy không bao giờ trả lời tôi cả. Người thứ nhì là Nhất Linh. Ông chỉ đáp có một bức thôi, mà lời lẽ có vẻ đùa cợt,

chế giễu tôi. Không dè bao nhiêu năm sau, chính ông ấy lại phải viết thơ cho tôi trước. Người thứ ba thì trả lời đều đều, ban đầu chỉ đủ lịch sự thôi, nhưng càng ngày càng thân mật, mặc dầu thuở ấy tôi vẫn cứ còn ở trong bóng tối của đời công chức tập sự. Người nầy cùng tuổi với tôi, chớ không phải cao niên hơn tôi như Nguyễn Tuân và Nhất Linh. Có lẽ vì thế mà anh ấy dễ thông cảm với tôi chăng? Mặc dầu còn trẻ như tôi, nhưng anh ấy đã vang danh rồi. Đó là nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp, tác giả tập thơ bất hủ “Ngày xưa”.

Một nhà thơ đã nổi danh mà bằng lòng làm bạn hàm thụ với một ký toan viên tối tăm của Ngân Khố Sài Gòn thì thật là chuyện hy hữu vậy. Trong thời thơ ấu qua lại, thì tôi nỗ lực tập viết văn xuôi và làm thơ, thường thì là thơ hơi hơi tự do mà tôi chạy theo phong trào Phong Hóa. Thản hoặc vì bị nhiễm thơ luật, tôi cũng làm

thơ luật, nhưng sẵn sàng bất kể niêm luật, mãi cho đến già, khiến anh Bàng Bá Lân rất lấy làm bức mình. Nhưng tôi cứ mặc kệ họ Bàng. Tôi có quyết tâm làm thơ luật hồi nào đâu kia chứ? Tại rủi ro bị nhiễm thơ luật, tôi buột tay viết ra hơi giông giống thơ luật vậy thôi, bắt bẻ tôi sao được.

Nhưng Nguyễn Nhược Pháp bỗng thành linh qua đời. Thật là quá sớm. Và tôi mất một người bạn. Anh ấy qua đời chưa được bao lâu thì tôi có văn xuôi xuất hiện trên mặt báo ở Sài Gòn. Khi đọc lại bài văn đầu tay, được in trên giấy, tôi bùi ngùi nhớ đến người bạn văn số, người ấy đã khuyến tôi nỗ lực. Tôi đã nỗ lực, giờ có chút ít kết quả rồi thì người ấy lại không còn nữa, để mà thấy tôi không phụ lòng ai? Tôi xúc động quá, lấy bút viết ra ngay bài thơ dưới đây, bị bỏ quên từ 43 năm nay, trong tủ của tôi mà giấy má chống chất vô trật tự.

Trong cái tháng mà tôi đoán biết rằng tôi sắp lên đường ly hương, tôi xốc xáo tất cả giấy tờ cũ, vì nhiều mục đích. Tôi gặp lại bài thơ bỏ quên nầy, khiến tôi ngồi đó mà hồn đi vắng hàng giờ. Những hồn ma cũ lũ lượt lướt qua trong trí tôi, trong lòng tôi. Một thời quá khứ, một thời xuân trẻ đã qua, chẳng bao giờ trở lại cả. Hồn người xưa đâu rồi?

Nhưng tại sao tôi lại bỏ quên bài thơ nầy? Tôi rất ít cho đăng thơ trên các báo Sài Gòn. Thỉnh thoảng, có dịp gởi Bách Khoa và Văn vài bài lấy lệ thôi. Bài thơ nầy, lại chẳng hay, mặc dầu tôi quý nó lắm. Tôi cất nó thật kỹ, kỹ quá, đến nỗi quên mất nó. Và trước khi đốt bỏ vì không mang theo được, tôi học thuộc lòng, nay chép lại đây, gọi là tưởng nhớ linh hồn một thi hữu văn số vậy:

VỚI HỒN NGUYỄN NHƯỘC PHÁP

*Anh và tôi đều sanh cùng năm
Ta trưởng thành, anh nổi tiếng tăm,
Tôi thì chỉ bắt đầu tập viết,
Thỉnh thoảng làm gan gỏi thơ thăm.*

o

*Đồng niên, tôi mặc cảm học trò,
Ham chương mặt báo, lại cứ lo...
Anh cười, anh chế văn thơ dở,
Tác phẩm xong rồi, giữ bo bo.*

o

*Sao anh vụt chết? Dốt lý do.....
Tôi đành cởi bỏ áo học trò,
Múa lia ngòi bút cùn công chức,*

Mơ hão tiếp lời thi sĩ to.

o

Rồi những gì xảy ra sau đó

Chúng đi qua, anh không được rõ

Nơi nơi, chiến tranh bắt đầu nổ

Hơn Đông Chu thịt rơi máu đổ.

o

Tôi làm văn thơ, anh chẳng hay

Tôi qua trăm đấng với ngàn cay

Anh thanh thoi, Niết Bàn, tiên cảnh

Tôi khóc thì anh lại cười dài.

o

Ngày nay và mãi mãi về sau,

Người đời ngâm vịnh, hát nghêu ngao:

Chùa Hương cô gái nhiều mơ mộng²

Với chuyện Thủy Tinh huyệt vợ giàu³

◦

Nếu có linh hồn anh ở đâu?

Xin về báo mộng kẻ đi sau.

Đi xa? Đi gần? Xin cho biết

Để tớ dùng chơn hoặc vục lao.

◦

Anh chỉ làm một tập thơ thôi

Sợ túi lòng ai đã lách đời

Tôi xin cũng một tập thơ nhé

Để dành chất xám hiến văn xuôi.

◦

² ám chỉ đến bài thơ hay nhất của Pháp, bài Đi Chùa Hương.

³ ám chỉ đến bài thơ nhì của Pháp, bài Sơn Tinh Thủy Tinh.

Tập thơ anh mỏng, tôi sẽ dày
Mỏng, dày chẳng phải là thơ hay
Miễn sao tả được lòng hai đứa
Anh mến “Ngày Xưa”, tôi yêu Nay

o

Đôi ta có khác điều này đây
Nhưng cũng gặp nhau cách tỏ bày.
Cả hai hoài cổ rồi khúc khích,
Khóc chơi chốc lát tỉnh mộng ngay

o

Âm dương đôi ngã hỡi người xa
Nhớ anh tôi quyết viết nhiều ra
Bên kia thế giới dù anh điếc
Anh cũng phải nghe Lộc-ba-hoa.

Vĩnh biệt từ đây thi hữu ma!

Ngậm cầm làm việc tới khi già

Diêm đài, anh chắc không thất vọng

Ai hiểu nhau bằng đó với ta.

Khi đốt mấy tờ giấy đã ngả màu vàng, tôi nghe như là mình hủy diệt cả quá khứ của chính mình, mặc dầu bài thơ chỉ xoàng thôi. Chưa chắc gì khi sang tới xứ người, óc của tôi đủ khả năng trả lại cho bút của tôi những gì mà bút ấy cần sao chép lại. Vậy là có thể mất hết, mất luôn cho đến mãi mãi « Người xưa lưu luyện ra sao nhỉ? Có giống như mình lưu luyện chẳng? » Bốn mươi ba năm đã qua ra, Nguyễn Nhược Pháp ơi, nhưng sao tớ cứ nghe như là mới hôm qua đây thôi, tớ còn vui mừng cầm một bức thơ

Hà Nội mà chưa dám xé ra đọc. Đó là thời sung sướng nhứt của chúng ta và của bao người khác. Những ánh tuyết của ngày xưa đã tan hết rồi, nhưng nó biến thành nước và tổ nghe như đầu dây vẳng lên tiếng sơn khô róc rách, reo vui mà cũng hạ giọng trầm buồn. Cái thời thập niên ba mươi mà văn thơ của ta lên cao chưa từng thấy đó, với đông đảo nhà văn nhà thơ trong ấy, mà ngày nay hơn hai phần ba đã ra ma cả rồi, còn sót lại những cây bút già nua, tiếc nhớ người cũ một cách hoài công. Vĩnh biệt dĩ vãng!

Bài Thơ nửa bước

Đêm ấy, ông Đinh Văn Khai, chủ nhơn của nhựt báo Tiếng Chuông đãi tiệc. Nói đãi tiệc thì hơi quá đáng, mặc dầu bữa ăn đêm đó, cũng là ăn ở cao lâu to có ca nhạc. Dân miền Nam ham nhậu, thì ai có tiền

thì thỉnh thoảng mời bạn hữu và thân hữu nhậu nhẹt, tất cả đều không cần ăn, chỉ ham uống và ham nói thôi. Thằng nào mà không tiền như bọn tôi thì được mời, đôi khi lại bị mời nữa, vào tháng chạp ta là bị mời đấy, vì các ông có tiền họ thay phiên nhau mà mời tất niên từ đầu tháng chạp đến hăm bảy tháng chạp, mãi rồi thằng nào cũng phải trốn hết, vì đã ngấy tới cổ.

Khách không đông lắm, trong bữa ăn đó. Chắc chỉ có bốn mươi tám người thôi. Đây là nói phóng mạng, dựa vào lệ mỗi bàn mười hai người. Bốn bàn ăn, được 48 người. Nhưng chắc cũng có người đau ốm, hay trốn vì lẽ gì đó.

Ông bạn Ch. giữa bữa ăn nói lớn cho cả bốn bàn đều nghe:

– Đêm nay ở đây có một thi sĩ lớn nhất thế giới, ta nên yêu cầu thi sĩ trở tài vậy.

Người ta đưa mắt rào quanh coi nhà thơ to ấy là ai? Rất là khó biết. Đến ba nhà thơ có mặt, nhưng xem ra thì họ chẳng lớn bao nhiêu, không lớn trong nước Việt Nam nữa, mà nói lớn nhứt thế giới thì rất khả nghi. Hơn thế có một nhà thơ bị một số anh em không nhìn nhận là nhà thơ. Đó là ông nhà binh Hà Thượng Nhân. Ông quan quân sự nầy được mời, không phải với tư cách sĩ quan, mà với tư cách nhà thơ. Như vậy thì đã chết ai đâu nào, thế mà có người lại xâm xì. Ông ấy biết làm thơ thì gọi ông ấy là nhà thơ, đâu có sai hời nào. Tại sao cứ đòi thơ phải như thế nầy, phải như thế khác, ở một nơi hoàn toàn không phải là trường thơ thi phú.

– Thi bá đó ai? Một thực khách hỏi.

– Tôi đã trót nói là lớn nhứt thế giới nên ông ấy sẽ không bao giờ ra mặt đâu, phải chỉ ông ấy mới được.

– Yêu cầu chỉ.

Người bị chỉ, chính là Hà Thượng Nhân.

Ai cũng mỉm cười. Hà thi sĩ mỉm cười vì không lẽ lại khóc. Bọn khác mỉm cười là tức cười ông bạn Ch. Ông này có một anh con trai đi lính. Ông nhà thơ thì là sĩ quan cao cấp, nhưng mà là sĩ quan ở Sài Gòn, chứ không phải ở mặt trận. Nếu con trai của ông bạn Ch. mà được làm cận vệ của Hà thi sĩ thì tuyệt, khỏi đeo ba lô để treo đeo lặn suối. Người ta mỉm cười mà nghĩ ngay đến mục đích bốc thơm của ông Ch.

– Nhứt thế giới thật hả? Một tân khách hỏi. Xin giới thiệu thêm.

– Ông ấy làm thơ nhanh hơn Tào Thục. Tào Thục phải đi bảy bước mà chỉ làm được có một bài thơ bốn câu. Thi sĩ của tôi mà đi bảy bước thì thơ sẽ dài hơn nhiều.

– Vậy, âm nhạc yêu cầu đây. Xin Hà tiên sinh gieo vần.

Hà Thượng Nhân cứ ngồi cười, không nói năng gì hết. Ký giả Nguyễn Kiên Giang đã hơi có chén, nói:

– Ông ấy mỉm cười, tức là Em chả rồi đó. Yêu cầu ông anh xuất khẩu vậy.

Nhưng một thực khách già, và có lẽ cũng đã có chén phần nào, đặt ra trò dè dặt. Ông ấy bảo:

– Chưa được. Nhà thơ có thể ăn gian, làm trước vài chục bài, giờ ta xin nghe, nhà thơ sẽ cho bằng cát sét chạy, thơ sẽ ra lu bù, thì ta làm sao biết có nhanh bằng Tào Thục hay không?

Rất nhiều người tán thành cái ý hay này. Nhưng khi ai đó đề nghị cụ thể kiểm soát thi nhân, thì chẳng có ma nào nghĩ

được cách kiểm soát hết. Ký giả Việt Nhân⁴ nói:

– Ta chỉ biết có ta thôi thì sao được. Phải có sự đồng ý của Hà Đại Nhân mới được chớ.

Rồi ông bạn ký giả này nói lớn cho mọi người nghe, nhưng chỉ nói riêng với Hà Thượng Nhân:

– Tiểu đệ xin tiên sinh nhận lời: Bấy lâu nay nghe tiếng cũng từng khao khát...

Tôi (B.N.L.) đề nghị:

– Hà thi nhân sẽ nhận, tôi tin như vậy, nhưng các anh lại đòi kiểm soát mà không đưa ra giải pháp, thì ai sẽ nhận? Xin đề nghị lối này: mỗi người trong chúng ta sẽ nói lên một tiếng rồi thì Hà thi nhân sẽ làm một câu thơ trong đó có tiếng ấy. Tôi chờ đợi ý kiến của nhà thơ.

⁴ Ngô Công Đức.

Bấy giờ Hà Thượng Nhân mới mở lời:

– Thôi thì cũng được. Kiểm soát bằng lối ấy, cũng khá hay.

Tiếng vỗ tay nổi lên như pháo Tết. Không ai dè ông thi sĩ này lại dám nhận một điều kiện vô cùng khắt khe đến thế.

Ký giả Nguyễn Kiên Giang bắn tiếng súng đầu:

– Tôi xướng đây. Xin lấy tên khổ chủ đêm nay làm đầu đề cho câu thơ đầu. Xin xướng: Đinh Văn Khai.

Im lặng hoàn toàn. Chỉ trong chớp mắt thôi. Nhà thơ nói to:

– Ông Khai mở tiệc

«Ồ... ồ... ồ... đó là tiếng kêu phản đối. Ai đó, nói rõ to ra:

– Làm thơ như vậy thì quá dễ, ai làm chẳng được. Thơ gì mà: «Ông Khai mở tiệc»?

Ký giả Việt Nhân:

– Xuyt! Im. Thi nhân muốn nói cái gì kia.

Quả thật thi sĩ nói chậm rãi, điềm đạm:

– Đánh rằng câu đầu: «Ông Khai mở tiệc» chẳng hay ho gì hết. Nhưng xin đợi xem các câu sau có dính líu gì đến câu đầu hay chẳng. Nếu dính được thì có lẽ tạm chấp nhận được chớ. Có phải thơ hay không nầy. Thử hỏi câu đầu của nào Tào Thục «Củ đậu chum nấu đậu», nếu đứng riêng một mình nó, có hay gì chẳng?»

Vỗ tay tán thưởng. Nguyễn Kiên Giang lại hét to:

– Trường Sơn! Trường Sơn là bút hiệu của một ký giả hiện có mặt.

Nhanh như cắt Hà Thượng Nhân làm câu thơ thứ nhì:

– Sơn hải đủ mùi

Thiên hạ lại nhao nhao phản đối. Họ nói: “Ở đây chỉ có Hải mà không có Sơn thì dường cái ý “Sơn thâm hải vị” là không ổn? Bào ngư thuộc về Hải, Vi cá cũng thế. Nhưng chấp nhận câu thơ này”.

Nhưng Hà Thượng Nhân lại bình tĩnh trả lời:

– Món yến xào lấy tốt đỉnh núi đá cao xuống, nếu không phải là Sơn thì là gì?

Im lặng giây lát rồi thì đa số tán thành. Nguyễn Kiên Giang lại xướng:

– Nguyễn Ang Ca. Đó là bút hiệu của ký giả Nguyễn Ang Ca.

Còn nhanh hơn lúc nãy nữa, Hà Thượng Nhân nói ngay tức khắc:

– Ca hát. Vui tươi

Lại phản đối. Họ nói: “Các cô ca sĩ từ nãy đến giờ, ca toàn các điệu buồn, vậy không có việc vui tươi được”. Nhưng ký giả Việt Nhân bình vực thi sĩ:

– Chấp nhận được. Đúng là ca sĩ chỉ ca nhạc buồn. Nhưng ta có nghe ca sĩ đâu. Ta chỉ nghe ta thôi. Và không khí ở đây quá vui tươi thật sự.

Lại tán thành và đây là tán thành Việt Nhân chớ không phải tán thành Hà Thượng Nhân. Nguyễn Ang Ca lên tiếng hỏi:

– Nãy giờ có ai ghi chú gì hay không để xem coi các câu thơ ấy có dính lại hay chẳng

về ý tứ”, hay là một câu đi đường anh, câu khác đi đường tôi” Ai đó, đọc to lên:

Ông Khai mở tiệc

Sơn hải đủ mùi

Ca hát vui tươi

– Được, và tốt lắm. Ông Đinh Văn Khai phê. Tất cả đều dính lại chặt chẽ với nhau. Câu thứ nhì và thứ ba, tả không khí bữa tiệc, thì cũng được lắm đó chứ.

Đến phiên tôi xướng:

– Hà Thượng Nhân!

Và nhà thơ ta tức khắc quả là xuất khẩu thành thi:

– Hồng Hà đỏ rực

Nguyễn Kiên Giang bắt bẻ:

– Làm gì có sông Hồng Hà ở đây cha nội.

Ký giả Việt Nhân giải thích:

– Hà là ráng chiều. Ráng chiều là mây chiều bị mặt trời nhuộm đỏ. Được và hay: Cái tiếng xướng là Hà Thượng Nhân là một tiếng xướng khó. Nhưng thi sĩ đã làm tròn nhiệm vụ.

– Nhưng cũng đâu có ráng ở đây? Ai đó lại bắt bẻ.

Việt Nhân chỉ tay vào tấm tường ở đằng xa. Đây là cao lầu Tàu. Tường không treo tranh, nhưng một họa sĩ vô danh nào đó đã vẽ lên tường cảnh «ngũ sắc tường vân». Có ráng vàng, có ráng đỏ. Vậy quả có Ráng hồng đỏ rực thật sự.

Ông Đinh Văn Khai lại phê:

– Cả bốn đều tả khí hậu bữa tiệc. Cũng hay đó chứ.

Nguyễn Ang Ca xướng:

– Bình Nguyên Lộc. Thơ ra ngay:

– Lộc nhung rượu cúc

– Rượu cúc là rượu gì? Ai đó hỏi.

Hà Thượng Nhân trở chai rượu Tàu trên bàn.

– Nhưng sao lại lộc nhung?

– Nhung là sừng nai non, mà ta cũng gọi là lộc nhung. Trong rượu này, họ có thêm hai chất: Sâm và Nhung.

– Đọc lại xem nào, Trường Sơn đề nghị, nhưng rồi chính anh ta đọc, hơn thế, ngâm chớ không phải đọc:

Ông Khai mở tiệc

Sơn hải, đủ mùi

Ca hát vui tươi

Hồng Hà đỏ rực

Lộc nhung rượu cúc

– Tốt lắm, Việt Nhân khen. Không phải dễ làm được như thế đâu nha các tía nội. Phải dính lại như keo sơn mới được. Bời rời như cơm nguội mắc mưa thì không xong. Về kỹ thuật thơ cũng ổn lắm. Câu đầu khai phá. Bốn câu sau, đi vào chi tiết. Thoạt tiên tả tổng quát là Sơn hải đủ mùi. Rồi thì tả khí hậu bằng hai câu Ca hát vui tươi – Hồng hà đỏ rực. Câu thứ năm bắt đầu chi tiết và tả rượu trước hết, đối với tụi mình, món rượu là món chánh.

Tên của người cả bốn bàn đều được xướng lên, và bài thơ này, dài ít lắm cũng đtrợc 40 câu. Nhưng thuật giả không nhớ hết vì một phần tư thế kỷ đã qua rồi, thì còn làm sao để nhớ đủ cho được. Tôi chỉ cố nhớ được đến câu thơ thứ sáu thôi. Câu đó là «Bổ thận tráng dương». Dương là tên của một thực khách, do ai đó, xướng lên.

Và đây là sáu câu dựng lại được hôm nay:

Ông Khai mở tiệc

Sơn hải, đủ mùi

Ca hát vui tươi

Hồng Hà đỏ rực

Lộc nhung rượu cúc

Bổ thận tráng dương

Các cụ hay nói đến sự kiện xuất khẩu thành thi, nhưng không ai tin. Mà quả có thật đó các bạn ạ, như ta vừa thấy. Có người lại nói: «Thơ hay hay dở, nào phải do làm nhanh hay chậm.» Đành vậy, nhưng đây chỉ là một trò chơi, chứ không phải là văn thơ thật sự. Trò chơi này, rất tao nhã và rất khó chơi: Ai chơi được, ta nên khen họ,

đừng làm bộ lên mặt thầy, chê thơ hay, thơ dở. Đã bảo, chỉ là một trò chơi thôi, và ta nên nhìn nó dưới khía cạnh một trò chơi là đủ rồi.

Đời. Số 46, tháng 10.1986

VÀI KỶ NIỆM VIẾT LÁCH VỚI THANH NAM

Dì cư vào Nam được mấy năm thì Thanh Nam cũng đành phải để cho mình rơi vào cái «bể trầm luân» của chính tôi. Cái bể trầm luân ấy không có nước mắt. Mồ hôi được thay cho lệ. Tôi muốn ám chỉ đến việc viết tiểu thuyết cho báo hàng ngày.

Nếu không có đơn đặt hàng thì chắc chúng tôi chẳng bao giờ nhào vô ngành đó, nó giống giống như làm công chức phần nào, kẻ hành nghề không còn tự do định

đoạt về thời dụng biểu của mình nữa. Sống thường thì là có thể lười bốn năm hôm liên tiếp, chẳng cần viết chữ nào hết. Nhưng báo hằng ngày đâu có để yên cho ta tha hồ mà lười. Khổ một cái là họ không để yên, nhưng ta lại cứ lười và đến phút chót, thường thì ta phải mò lại tòa báo để viết, tệ hơn nữa, phải chun vào nhà in để viết, nơi đó không có bàn, thiếu ánh sáng, thiếu không khí, giữa mùa đông vẫn nghe nóng bức vô cùng. Đồ mồ hôi là tại vậy. Còn nhớ anh Hoàng Anh Tuấn, mỗi lần phải chun vào nhà in của một tờ hằng ngày ở Sài Gòn, anh ấy phải cởi trần ra, mặc quần đùi cần thận rồi mới dám vào. Vào xong, anh ấy ngồi xồm như các chị bán cá, vì ghế ở đó tồi quá, anh không đủ can đảm để ngồi theo cách bình thường. Anh nẩy kén ghế lắm, nếu phải ngồi ở hiệu giải khát không mấy sang trọng, anh ấy cũng ngồi xồm như thường, bất kể thiên hạ, chẳng hạn như ở

mấy cái bàn ngoài của hiệu giải khát Kim Sơn, đại lộ Lê Lợi, loại bàn mà Pháp gọi là Table de terrasse.

Nhà in Sài Gòn là nơi làm việc phản luật lao động nhứt thế giới, điều đó thì ai cũng biết, nhưng sao các tay viết lách lại chen vào đó để làm gì...? Tòa soạn của một tờ hàng ngày nghèo nhứt, vẫn không thiếu bàn. Ấy, người ở ngoài nghề không làm sao mà biết được chuyện bê bối của các tay viết tiểu thuyết cho báo hàng ngày, mà kẻ nầy là một. Phải chun vào nhà in, vì thợ sắp chữ họ gào họ thét, họ đòi bài, ta vào đó, xé giấy ra từng mảnh nhỏ, viết được ba bốn giòng chữ thì nộp cho một anh thợ để anh xếp chữ ngay, kéo không kịp in. Ta lại viết ba bốn giòng nữa giao cho anh thợ thứ nhì, nếu anh hứ nhứt khi nầy, làm chưa xong công việc. Chun vào nhà in để được gần thợ, hầu nộp bài cho nhanh ấy mà! Dĩ nhiên là bài không bao giờ qua tay các thư

ký tòa soạn, mà các ông ấy cũng mong khỏi phải đọc bài, vì các ông chỉ có mấy mươi phút mà phải đọc hết năm tiểu thuyết, thì quá đau đầu.

Cái chuyện nộp bài từng dòng, vào phút chót tuy ít xảy ra, nhưng vẫn có xảy ra cho bất kỳ tay viết tiểu thuyết nào viết giúp cho nhật báo. Thường thì các tay này viết ở nhà. Nhưng đừng tưởng là viết ở nhà là ít vất vả hơn. Như thế này: sáng ra, ta mang truyện đến nộp cho nhà báo. Xong rồi ta đi ăn sáng, và ta rất có thể gặp bạn. Đấu láo với nhau độ hai tiếng đồng hồ, về tới nhà là đã mười giờ đúng. Một người bà con ở tỉnh lên chơi. Sáu tháng họ mới đến một lần thì ta không thể tiếp họ lơ là được. Ta tiếp khách thân suốt năm tiếng đồng hồ, bỏ buổi nghỉ trưa. Họ ra về xong thì ta buồn ngủ vì mệt. Ngủ dậy là đã chiều, và gần tới bữa ăn. Ăn cơm xong là đã tối. Có ai đó nhắc ta rằng đêm nay sẽ chiếu lần

đầu phim Notre Dame de Paris, mà báo chí ngoại quốc khen là hay lắm. Thế là ta đi xi nê, xuất tối. Về đến nhà là 11 giờ đêm. Đã buồn ngủ rồi, thôi để khuya thức dậy sẽ viết đoạn tiểu thuyết phải nộp vào lúc bảy giờ sáng hôm sau.

Ta để kim đồng hồ cho nó reo hồi bốn giờ sáng. Đồng hồ đã làm tròn nhiệm vụ còn ta thì không, vì vào lúc bốn giờ đó, ta còn cần ngủ thêm, nên ta cứ mặc kệ cho đồng hồ kêu gọi. Chính vì thế mà hồi tám giờ sáng, ta mới phải viết trong các lò bát quái là các nhà in Sài Gòn. Phần lớn các kỳ bài của tiểu thuyết *Đò Dọc*, tôi đều đã viết như vậy, nhưng cũng không làm tròn nhiệm vụ. Tôi viết ít hơn khối lượng chữ phải nộp mỗi ngày, và để cho đầy cái ô mà nhà báo để dành cho tiểu thuyết của tôi, tôi đã hối lộ cho thợ nhà in, nhờ họ cứ cho xuống dòng mãi. Hễ tôi chấm câu, là họ phải xuống dòng. Về sau, khi tiểu thuyết

này in thành sách tôi đã quên mất mưu trá cũ, cứ đưa báo cắt cho họ, không có bớt những lần xuống dòng lậm phát nên nhiều người đọc sách thường hỏi: «Quái sao cái anh tác giả này mắc chứng gì mà một trang sách, cho xuống dòng đến tám lần?»

Thanh Nam tưởng chỉ có mình anh là gặp nạn đó, anh tâm sự về sự phiền phức đã xảy ra cho anh. Tôi cho anh biết rằng tôi cũng đã lâm vào cảnh đó trước anh nữa kia. Anh hỏi «Làm sao để thoát?»

Những gì mà tôi đã đáp với Thanh Nam, nhớ đâu tôi đã nói ra một lần nào, trong báo hàng tuần nào đó ở Sài Gòn, tôi không còn nhớ nữa, không nhớ tên báo, nhưng nhớ thật rõ những gì tôi đã viết. Tôi nói với Thanh Nam như sau: «Tôi đã được quen biết với Nhất Linh. Tôi đã than với anh ấy là tôi tìm hứng khó khăn quá. Nhất Linh đáp rằng tìm hứng là lỗi làm việc

không tốt. Phải noi gương Thạch Lam mới được, là mỗi ngày cứ nỗ lực viết một số trang nhứt định nào đó. Rồi thì nó sẽ quen đi, là sẽ làm việc được dễ dàng như thường mà chẳng cần hứng bao giờ...»

– Và anh đã nghe theo lời Nhất Linh?

– Ừ.

– Kết quả ra sao?

– Ban đầu khổ vô cùng, nhưng cũng đã gần đắc đạo rồi.

– Thật hay không nè?

– Bảo đảm sẽ có kết quả.

– Tôi sẽ thử xem sao.

Tôi không nói đến vấn đề đó nữa. Thanh Nam cũng thế. Hai năm sau, chính Thanh Nam trở lại vấn đề. Anh nói: «Tôi bây giờ khác trước, tôi sợ viết tiểu thuyết

cho báo hằng tuần, báo hằng kỳ, hơn là viết cho báo hằng ngày».

– Anh hết sợ báo hằng ngày thì tôi hiểu. Chắc anh đã áp dụng phương pháp Thạch Lam chứ gì?

–Ừ, như anh đã gợi ý.

– Nhưng sao lại sợ báo định kỳ?

– Là tại ta quên kỳ hạn và quên nộp bài. Còn với báo hằng ngày thì vì phải nộp mỗi hôm, ta không thể quên được.

Cả hai chúng tôi đều cười khà vì cả hai đều lâm vào cảnh quên nộp bài cho các báo định kỳ, không phải vì quá bận với báo hằng ngày mà vì quên thật sự.

* * *

Một hôm Thanh Nam hỏi tôi:

– Thỉnh thoảng tạp chí Bách Khoa tiên liệu trong một câu ám chỉ rằng văn tài anh sẽ xuống thấp, chỉ vì quen viết vội cho báo hằng ngày, anh nghĩ ra sao về ý kiến đó?

– Anh có nghĩ như Bách Khoa hay không nè? Nếu có thì tôi mới đáp, bằng không thì đáp làm gì. Nếu anh không nghĩ như Bách Khoa, thì tức là anh nghĩ như tôi, tôi đâu có cần phải nói thêm gì.

– Tôi không bao giờ chú ý đến những điều Bách Khoa viết. Nhưng nghe tạp chí ấy nói, tôi cũng đâm lo cho anh, và cho cả tôi nữa.

– Tôi thấy là viết cho báo hằng ngày, không có hại gì hết. Ta đã nghe Nhất Linh, theo phương pháp Thạch Lam, tức viết mỗi ngày một số trang nhất định, vậy thì có giúp cho hằng ngày hay không, ta vẫn phải viết mỗi ngày cái khối lượng chữ đó mà, có phải vậy không nè?

– Ủ. Và thế thì báo hằng ngày đâu có làm hại ta được ở điểm nào. Vậy tôi an lòng tiếp tục viết cho báo hằng ngày.

* * *

Thanh Nan thường phàn nàn cái sở nào đó mà làm thẻ kiểm tra cho các công dân đã thành niên. Anh bảo rằng ở cái khoản nghề nghiệp, họ ghi anh là quân nhân, báo hại anh chẳng dám đi chơi đâu xa hết, thí dụ đi Đà Lạt, vì sợ cộng sản xét xe dọc đường, thấy anh quân nhân, họ sẽ mần thịt anh. Nhưng nếu không có cái thẻ kiểm tra báo đời ấy, chắc Thanh Nam cũng chẳng đi chơi đâu xa được. Viết tiểu thuyết cho báo hằng ngày rất giống người tù, phải có mặt luôn luôn tại cái thành phố mà báo hằng ngày đặt trụ sở. Đi Đà Lạt chơi năm bảy hôm thì trong khoảng thời gian vắng mặt, ai viết thay cho ta? Khổ lắm, nhà có

tang, vẫn phải nộp bài như thường. Đây là kinh nghiệm bản thân. Nếu ta không nộp bài trong mấy hôm nhà ta có tang khó, nhà báo cũng không làm gì ta được nhưng ta mất tín nhiệm đối với họ, và họ sẽ không mời ta viết nữa. Sau khi cuốn tiểu thuyết ấy được đăng hết. Theo nguyên tắc, ta phải viết xong rồi mới bán cho họ thì ta không thể viện là quan hôn tang tế hay đau ốm để mà khỏi nộp bài. Nếu ta phải vào bệnh viện đi nữa, thì vợ con ta cũng phải mang bài đến cho nhà báo, vì nhà báo đâu có nhìn nhận tình trạng ta chưa viết gì hết lại dám nhận lời, còn để lấy tiền ứng trước, rồi mỗi hôm mỗi rặn từng bài.

* * *

Dầu sao, Thanh Nam cũng đã là một tiểu thuyết gia, chứ không phải chỉ là nhà văn mà thôi. Nhiều nhà văn lỗi lạc, nhưng

không viết được tiểu thuyết bao giờ, nhứt là viết cho báo hằng ngày. Những người viết không được, không phải là những người dở đâu, tiểu thuyết là một văn thể, y hệt như phê bình là một văn thể. Không làm được văn thể nào đó, không có nghĩa là dở. Nhưng làm được thì vẫn tốt hơn là làm không được. Và Thanh Nam đã làm được, mà làm từng ngày cho báo hằng ngày nữa, chớ không phải làm xong rồi mới bán cho báo hằng ngày để họ in từng kỳ. Công việc này, ai chưa làm, cứ tưởng dễ, chớ nó rất là khó. Các nhà phê bình văn học sẽ nói: Tác phẩm có giá trị hay không, là do chính phẩm chất của nó, chớ nào phải do tình trạng khó tạo nó ra hay dễ tạo nó ra. Đành là như thế, không cãi vào đâu được với nhà phê bình, nhưng tôi cứ nói ra, không phải để đề cao văn phẩm của Thanh Nam, mà để chỉ nói rằng Thanh Nam đã làm được một việc khó làm. Làm được một việc khó làm,

cũng đã là một đức tính lớn, cần được nói tới chớ. Còn cái việc khó làm ấy, nó có đẹp hay không thì chỉ có các nhà phê bình mới đủ thẩm quyền khen chê. Đây là một người thường nói về một nhà văn, và ý kiến của kẻ nói ra, chỉ là ý kiến của người thường.

Và những người thường có lẽ sẽ hỏi: “Tại sao các anh lại để cho lọt vào cái mà các anh gọi là “Bể trầm luân”?” Chẳng biết người khác thì sao, chớ Thanh Nam với tôi là vì sinh kế. Thuở đó, lương của công chức bậc trung mỗi tháng là bốn nghìn. Nhưng viết tiểu thuyết hằng ngày, mỗi tháng được bảy nghìn. Viết được hai cái mỗi ngày kiếm được 14 nghìn. Có người chủ trương rằng làm văn nghệ nên bất vụ lợi. Đó cũng là một quan niệm hay. Nhưng người ta trả tiền, mà vô điều kiện, không có đòi hỏi mình cái gì hơn là có bài mỗi hôm, chẳng lẽ mình lại chê tiền? Nhận tiền nhuận bút

nào có phản đạo đức gì đâu chứ. Làm nghề khác chưa chắc tự do hơn.

Thế nên khi tôi hỏi đùa Thanh Nam có bị mặc cảm gì chẳng trước dư luận của các tạp chí về văn chương của báo hằng ngày. Thanh Nam thành thật đáp:

– Sao lại mặc cảm? Chắc anh không có, thì tôi cũng chẳng có.

* * *

Nhưng Thanh Nam vẫn cứ thấy khổ, cái nỗi khổ nó cũng đã hành hạ tôi, như đã hành hạ Thanh Nam. Khi ta quen viết tiểu thuyết cho báo hằng ngày rồi, thì nếu chẳng có báo nào đặt cho ta viết, thì ta chẳng còn viết được gì nữa cả. Không anh nào còn đủ can đảm để viết một tiểu thuyết mà chưa chắc sẽ có ai mua, cho dầu đề tài của tiểu thuyết ấy được ta thương mến nhiều lắm.

Bấy giờ thì nhà văn đã biến thành con trâu kéo cày, và y lại thích bị biến như vậy. Không có chiếc roi cày quất cho, y chẳng viết gì được hết. Nghe đâu như là Honoré de Balzac, về sau cũng đã biến thành trâu cày như thế, và lắm khi nhà báo phải cho người đi lùeng bắt ông ta về nhốt lại, ông ta mới viết được. Cả hai, Thanh Nam và tôi cũng đều không còn đủ can đảm hạ bút, nếu không bị thúc hối. Cái anh quân nhân đời nhà Đường cứ nằm trên cát khi Tỳ-Bà “mã thượng thôi”, nhưng chúng tôi thì lại cần Tỳ-Bà thôi thúc, có bị thôi thúc mới làm việc được. Đó là một cái bệnh rất kỳ lạ, do thói quen của báo hằng ngày tạo ra. Bệnh này chắc là khó trị vì không có vi trùng nào hết, thì thuốc trụ sinh mạnh nhứt cũng đành bó tay.

Ở Sài Gòn có hai ông chủ báo hằng ngày, đó là anh Huỳnh Thành Vị và anh Phạm Văn Tươi. Hai anh này cứ trách tôi sao không đưa cho hai anh vài bộ tiểu thuyết để hai anh được chọn lựa. Có lẽ Thanh Nam cũng đã bị hai anh ấy trách móc như thế.

Thế nên Thanh Nam và tôi chẳng bao giờ được dịp hợp tác với Huỳnh Thành Vị và Phạm Văn Tươi. Đó là hai ông chủ báo không biết tầy của bọn tôi, cứ ngỡ chúng tôi có sẵn lu bù tiểu thuyết trong học tủ, vì họ thấy báo nào mua truyện là chúng tôi có ngay, chưa bao giờ từ chối hợp tác với báo nào hết. Sự thật thì tuy có sẵn đề tài, nhưng chúng tôi chẳng có bao giờ viết ra hết, đợi có còm-măng mới cặm cụi viết, rồi sau đó, bị roi cày quất mãi, mới tiếp tục được hoài hoài. Đó là một thói xấu, nhưng đã mắc bệnh mà không thuốc chữa, thì đành phải chịu vậy.

Anh Lê Ngô Châu, chủ nhiệm tạp chí Bách Khoa, mười hôm hoặc nửa tháng mới cho báo của anh ra một kỳ, lại còn nhát hơn các ông chủ báo hằng ngày nữa. Anh ấy nói:

– Các anh viết cái kiểu đó, ngộ nhờ nửa chừng đường, các anh bí, thì tôi sẽ phân trần ra sao với độc giả.

Nhưng kinh nghiệm đã cho thấy là chúng tôi chẳng có bao giờ bí hết. Thanh Nam lại còn dặn tôi: “Nếu rủi ro anh bí, cứ cho tôi hay, tôi sẽ mách nước thoát bí dễ dàng.” Chẳng rõ mách lối của Thanh Nam ra sao, vì tôi chưa có dịp vấn kế người bạn đồng nghiệp đó.

Văn Học. Số 5, tháng 6-1986

GẶP LẠI NGƯỜI XƯA

(Lời BBT: Bài này nằm trong loạt bài HỒI KÝ VĂN NGHỆ Bình Nguyên Lộc dành cho báo ĐỔI của Nguyên Sa. Ông chưa kịp gửi bài đi cùng với bức thơ đã viết cho Nguyên Sa thì bất ngờ từ trần.)

Hôm đó tôi đang đứng nói chuyện với anh Lưu Đình Khải tại hành lang của bộ Văn Hóa hay bộ Quốc gia giáo dục gì đó, đã quên mất rồi, vì lý do sau đây. Chúng tôi thường được mời làm giám khảo của cuộc thi văn nghệ toàn quốc, mà các cuộc thi này thì có năm giao cho bộ Thông Tin tổ chức, có năm giao cho bộ Văn Hóa, có năm giao cho bộ Quốc gia giáo dục, hóa

ra chẳng còn ai nhớ được năm nào họp ở đâu nữa.

Thình lình, tôi bị ai vỗ vai từ sau lưng. Tôi day lại, thì ra đó là anh Năm Châu, tức diễn viên sân khấu, kiêm soạn giả Nguyễn Thành Châu. Tôi hơi ngạc nhiên. Tôi biết Năm Châu rất nhiều, nhưng anh ấy chỉ biết tôi vậy vậy thôi, gặp nhau thì chào hỏi qua loa theo phép xã giao. Nay sao lại có cử chỉ thân mật nầy. Câu hỏi của anh Năm Châu lại càng làm cho tôi ngỡ ngàng hơn:

– Mê Háo lắm hả?

Trời đất! Háo là cô nào mà anh ấy bảo rằng là tôi mê? Trong khi anh Lưu Đình Khải cười ngất, tỏ vẻ hiểu lầm, thì tôi cứ trố mắt mà nhìn Năm Châu. Nhưng sau đó, người hỏi giải thích thì tôi mới vỡ lẽ ra, và cả ba chúng tôi cùng cười với nhau. Số là dạo đó, tôi đang viết một tiểu thuyết

đăng báo tên là “Mỗi tình của thằng ôm đít ông Táo”. Trong số báo phát hành cách đó ba hôm, báo đăng tới cái đoạn mà nhân vật chánh trong truyện, vào trà thất Kim Đô, không phải để nghe ca, hay để ngắm các cô ca sĩ, mà để “xem” Háo đánh trống.

Háo là một tay trống cù khôi ở Sài Gòn, vào năm đó, nên rất nhiều người vào vũ trường, hoặc trà thất thường không có mục đích nào khác hơn là để thưởng thức sự biểu diễn rất huê dạng của cặp roi trống của người nghệ sĩ đó. Háo là em vợ (hay anh vợ?) của Năm Châu. Anh ấy đồng hóa nhân vật tiểu thuyết với tác giả. Tác giả mê em vợ của anh ấy thì anh ấy khoái tác giả chẳng? Tôi đáp:

– Tiểu thuyết đó, tôi viết riêng cho các bạn trẻ đọc, anh đã có cháu rồi, mà cũng theo dõi nó nữa à?

– Theo dõi chớ! Văn nghệ sĩ đâu có bao giờ già. Tội mình phải uống rượu chung một bữa mới được.

– Rất hoan nghinh. Đại ca ở trên cao chót vót, nên từ bao lâu nay, đệ ngại không dám làm thân đó chớ. Đệ rất cần tâm sự với đại ca.

– Đừng có lộn xộn. Tôi chỉ cao niên thôi, chớ không có cao ghế đâu. Vậy ta sẽ gặp lại nhau.

Năm Châu không có cho cái hẹn nào hết, và cũng không cho biết nơi chốn gặp nhau khi nào cần gặp. Nhưng là người viết báo và làm báo, cho dầu chỉ là một tay làm báo xoàng xoàng, tôi vẫn phải làm thổ công phần nào. Năm Châu hình như làm chủ một hiệu cà phê trong Đa Kao, hiệu này ở gần một cái đình cổ mà người địa phương gọi là đình Tân An, tên một làng xưa. Ông ta không trông coi trực tiếp quán đó, nhưng

cứ tới đó, nhờ người mời là được gặp.

Vừa thấy mặt nhau, tôi nói:

– Tôi tự giới thiệu trước cái đã.

– Khỉ dộc. Ai lại không biết nhà văn mà phải tự giới thiệu.

– Không, anh Năm chưa biết bí mật của tôi đâu. Tôi là em rể của Dương Thành Phát đây mà.

Tôi trả thù, bắt Năm Châu ngạc nhiên chơi, như tôi đã ngạc nhiên hôm nọ. Và quả người kếp già này, chẳng những ngạc nhiên mà còn bối rối vô cùng. Anh cố moi trí để tìm lại cái gì đã thoát khỏi ký ức của anh. Lâu lắm, như chụp lấy được món lần lút, đang ba chìm bảy nổi trong dạ anh, anh trở mắt nhìn tôi trừng trừng rồi kêu lên:

– À... em... em nhỏ.... thằng gì, quên mất rồi! À thằng Tuấn. Trời ơi, nửa thế kỷ đã qua rồi!

- Ủ, nửa thế kỷ.
- Còn vợ em đâu? Con gì... con út gì, cũng đã quên mất rồi?
- Vợ em đang phục vụ tại Kontum.
- Đàn bà con gái, sao lại lên rừng làm gì?
- Vợ em làm cô đỡ ở Từ Dũ. Xích mích với xếp nên bị đày lên trên ấy.

Dương Thành Phát không phải là tên người, mà cũng không phải là hiệu. Đó là tên của một hiệu tử bàn đầu tiên tại Sài Gòn, nằm ngang sau chợ Bến Thành, vào thời Năm Châu mới lừng danh. Người chủ hiệu hồi đó là bạn của anh rể tôi. Thuở bé, tôi đi Sài Gòn chơi thì ở nhà Dương Thành Phát, vì anh Dương Thành Phát và anh rể tôi lại làm ăn chung về một nghề khác, nghề mua đàn hát cải lương.

Thuở đó, Sài Gòn không có nhà hát nào của ta cho ra hồn cả, nên các ban cải lương thường diễn ở một rạp chiếu bóng tên là rạp Moderne, đường Lê Thánh Tôn, rất gần hiệu Dương Thành Phát. Tôi ở đó, mà không ở nhà anh rể tôi, chỉ để được đi coi cộp cải lương cùng với người vợ tương lai của tôi mà thôi. Gia đình cấm trẻ con coi hát, không cho vé nên chỉ chúng tôi phải coi cộp. Gia đình thiếu người nên chiều chiều, hai anh ấy ra chợ Bến Thành mà quờ dân thất nghiệp để làm công việc soát vé. Họ lạ mặt không biết tụi tôi là em của chủ dàn, nên tụi tôi cứ bị bắt mãi. Thuở ấy anh Năm Châu và chị Bảy Phụng Há tới lui hiệu Dương Thành Phát rất thường nên biết tụi tôi, và thường đùa, cặp đôi tụi tôi với nhau, không dè sau lớn lên, lời đùa của người lớn trở nên sự thật.

Tôi hỏi:

– Em nhắc lại thời oanh liệt của anh, anh nghe ra sao?

– Anh muốn khóc. Buồn quá, nhưng cũng vui quá! Còn anh Dương Thành Phát?

– Đã ra người thiên cổ rồi.

– Còn anh ba Tuấn?

Anh Tuấn, tục danh là Tuấn còm, là chú của tôi. Chú ấy mắc bệnh Pott nên còm lưng từ thuở 25 tuổi. Chú ấy đàn tranh cho các ban cải lương.

– Chú ấy không vợ không con, đã qua đời rồi, và không còn mấy ai nhắc nhở tới chú ấy.

– Còn Trương Quang Tiên?

– Đã chết từ năm 1947 vì đau tim.

– Trời ơi! Người xưa đã ra đi hết ráo.

– Nhưng còn anh em ta.

– Nhưng tại sao từ bao lâu nay, em chẳng hề nhắc chuyện cũ?

– Để làm gì?

– Buồn quá em ơi!

– Ừ, nhưng ta nên cố mà vui, cho đỡ buồn.

– Anh cũng vậy. Nhưng thỉnh thoảng, có ai nhắc cái gì....

– Xin lỗi, em đã lỡ đại....

– Không có gì đâu. Anh rất vui hôm nay mà đã được buồn. À.... anh thích truyện của em lắm đó.

– Chúng ta ca ngợi lẫn nhau nè. Em cũng mê xem anh diễn kịch lắm.

– Nhưng trình diễn thì hết, mà văn thì còn. Anh chết rồi thì chẳng còn gì nữa hết.

– Em sẽ nhắc đến anh, khi nào phải lúc nhắc. Còn lắm chuyện mà em chưa tiết lộ với anh. Em có viết tuồng cải lương.

– Đâu, đưa anh coi, anh sẽ nâng đỡ em.

– Khởi, đó là chuyện đời xưa. Anh đã biết Trương Quang Tiền, người cũng đã ăn dầm nằm dề ở hiệu Dương Thành Phát. Anh Trương đã giúp em về cải lương. Anh có biết hay không là kép đẹp Châu Hồng Đào, tức là soạn giả Đào Châu cũng là người cùng làng với em.

– Vậy à? Nhưng anh ấy đã là nhà buôn triệu phú và ít tới lui với làng hia mả.

– Còn Tô Kim Hồng cũng là người cùng làng với em.

– Em, cháu gì của em? Cũng họ Tô?

– Không, nó họ Đinh. Tô Kim Hồng chỉ là biệt hiệu. Nó là con của bạn em.

Thuở còn thanh xuân, Năm Châu rất đẹp trai, nhứt là trong những bộ Âu-phục đắt tiền, nhưng năm đó, anh đã rụng răng, chưa trồng răng giả. Nay tôi nhắc Châu Hồng Đào, vốn đẹp trai hơn anh Năm, và tới già vẫn còn đẹp trai, khiến anh Năm và cả tôi đều rất ngậm ngùi trước cảnh xế bóng của anh.

Nỗi buồn này chắc cũng không kém nỗi buồn của Charlie Chaplin khi người nghệ sĩ này già từ sân khấu. Anh Năm đi qua trên đường đời, kiêu sa và hiên ngang, chỉ nghe toàn tiếng vỗ tay tán thưởng, quên hết mọi thứ quanh mình. Giờ, dừng chơn lại, anh chợt thấy mình đang đi vào quên lãng của người đời, anh không sao mà khỏi ngậm ngùi được. Ánh đèn sân khấu ời, già biệt nhé!

ĐÍT CHUỘT

Hay là chuyện một ông chủ báo dốt.

Cháu tôi nó đọc báo Việt ngữ, nó thấy trong một bài kia có nói đến con Đại Thử, nó hỏi tôi Đại Thử là con gì. Tôi giải thích cho nó hiểu, và lúc nói, tôi lại nhớ đến một câu chuyện xưa hăm sáu năm, xảy ra ở Sài Gòn, trong đó cũng có vụ « Thử». Chuyện liên hệ đến văn nghệ rất ít, nhưng dầu sao cũng có « Văn» trong đó, nên xin kể lại đây.

Một hôm một ông chủ báo hằng ngày kia mời tôi viết mục Film du jour, mục này do anh Tiểu Nguyên Tử phụ trách, nhưng anh ấy viết đến bốn phim cho bốn tờ báo, thành thử khó lòng mà còn hay được, nên ông chủ báo ấy muốn tôi thay thế T.N.T.

Loạt bài ấy rất khó viết, bởi phải dùng văn trào phúng, chớ văn thường thì không được, tạm viết văn thường, độc giả không thích xem. Tôi vốn đã chủ trương một tờ trào phúng hằng tuần rồi, nên ông ấy mới mời. Chính vì phải trào phúng mỗi hôm cho bốn tờ báo mà anh Tiểu Nguyên Tử không còn trào phúng được, hóa ra rồi anh ấy chỉ viết văn thường thôi. Trào phúng mà mỗi ngày viết một bài đã khó, phương chi phải viết đến bốn bài thì là quá sức con người.

Tôi nhận lời, và tôi viết liền ngay sau đó. Viết xong, không biết ký tên là gì. Cũng

nên nhắc rằng loại bài này là loại bài châm chọc thiên hạ, nên thường bị chúng chửi, nên anh nào viết phim, cũng thay đổi biệt hiệu luôn luôn, liệu thiên hạ đánh hơi được rằng ông Tú Nốp là mình, thì mình nên ký tên khác lập tức. Chỉ có anh Tiểu Nguyên Tử là gan cùng mình, dám giữ mãi cái biệt hiệu của anh.

Thoạt tiên, tôi nghĩ ngay đến Tú. Từ ngày nhà thơ trào phúng Trần Kế Xương tạo ra cái bút hiệu Tú Xương, thì Tú mọc lên như nấm, nào là Tú Mỡ, Tú Nốp, Tú Sơn, Tú Xe, Tú Xuyt v.v...., nhiều quá trời, hóa ra Tú thì hay, nhưng hơi nhàm. Tôi nặn óc một lát thì tìm ra được một biệt hiệu mà tôi cho là ngộ nghĩnh. Đó là Mông Thử.

Tôi viết được một tuần lễ thì ông chủ báo ấy mời tôi vào văn phòng và nói:

– Tôi xin anh đổi biệt hiệu. Tên gì mà

nghe kỳ quá! Mông thử là cái Đít chuột. Coi bộ xấu quá đó anh.

Tôi cố nín cười đến tức cả ngực. Ông chủ báo này tuy có học có đỗ đạt thiệt, nhưng ngoài bài vở nhà trường, ông ta dốt lắm, nhứt là về chữ nho. Thấy tôi làm thinh (vì chưa hết cười để mà đáp lời) ông ấy lại nói:

– Anh đồng ý nhé.

Tôi còn nín vài mươi giây nữa, rồi mới mở miệng được:

– Thật ra thì biệt hiệu chưa nổi danh, chẳng quý báu gì đó, bỏ mấy chục cái cũng chẳng sao, và trong một tiếng đồng hồ, tôi có thể tìm được ba chục biệt hiệu mới. Như vậy tôi có tiếc gì đâu. Nhưng tôi từ chối là vì một nguyên tắc mà thôi.

– Tôi không có quyền yêu cầu cộng sự viên thay bút hiệu hay sao?

– Cái đó cũng tùy. Nếu bắt phải bỏ bút hiệu Bình Nguyên Lộc thì anh không có quyền, còn như hủy Mông Thử thì cũng chấp nhận được dễ dàng.

– Chớ nguyên tắc đó là nguyên tắc nào?

– Chắc là có đồng nghiệp nào đó gợi ý cho anh. Nhưng đồng nghiệp ấy dốt lắm. Hắn ta chưa đủ sức hiểu nổi Mông Thử là gì, lại dám cho rằng đó là một cái tên xấu, là Đít chuột. (Tôi tránh né, không nói là ông ta dốt, cho rằng một đồng nghiệp của tôi kẻ vạch, chớ thật ra, đồng nghiệp của tôi bất kể, ai muốn ký tên gì, mặc kệ ai, họ xía vào đó để làm gì). Và tôi nói tiếp:

– Chẳng những tôi từ chối đổi biệt hiệu mà tôi cũng nghĩ viết kể từ giây phút này. Trong tòa soạn có người dốt đến thế, thì tôi còn viết làm gì?

– Nhưng nếu không phải Đít chuột thì là gì?

– Anh cứ bảo anh ấy tìm hiểu để rồi nói cho anh nghe. Nhưng tôi cũng nói chút ít về cái tên đó. Nếu là chữ nho, thì đâu có là Mông được? Mông là tiếng Việt Nam ấy chứ. Tôi thí dụ «Đít», chữ nho là «Tôn», thì hiệu của tôi phải là Tôn thử ấy chứ sao lại là Mông thử được. Bằng như đó là tiếng Việt Nam, thì nó phải là Mông chuột, chứ sao lại là Mông thử được. Anh ấy không hiểu nổi cách cấu tạo một từ. Điểm thứ nhì. Chẳng có cái tên xấu nào mà đáng phải tránh né hết. Hơn thế đây là bài trào phúng thì ký tên càng bậy bạ, càng hay.

– Thôi, thì anh cứ giữ Mông Thử.

– Tôi cứ giữ cho tôi, chứ không cho báo của anh. Tôi nghỉ viết. Đã dứt khoát rồi.

Mười năm sau đó, một bạn đồng nghiệp của tôi cho tôi biết rằng là ông chủ báo ấy vẫn còn tức mình về vụ Mông Thử. Ông ta không còn giận tôi nữa, nhưng ông ta

tức là không làm sao để biết Mông Thử có nghĩa là gì. Hỏi thì ông ta không dám hỏi, sợ người mà ông ta vẫn kể sẽ cười chê ông ta, còn tìm biết, thì ông ta cũng chẳng biết cách tìm.

Anh đồng nghiệp ấy tiết lộ cho tôi biết điều trên đây rồi cười mà nói:

– Thú thật với bồ, mỗ cũng chẳng biết Mông thử là cái quái gì.

Người bạn này chỉ là một phóng viên. Anh ta không hề khoe bằng cấp, cũng chẳng làm bộ ta đây giỏi chữ nghĩa lắm, nên tôi không có cười anh ta và cứ mền anh như thường. Sau khi giải thích cho cháu tôi biết con Đại thử là con gì, sẵn dịp tôi cũng giải thích nghĩa của Mông thử, xin chép lại đây để bạn nào thấy sai, chỉ giáo hộ, vì thú thật, chữ nho, tôi cũng đã quên gần hết, lúc tôi tìm ra biệt hiệu Mông thử.

* * *

Nước Ấn Độ vì quá nóng nên có quá nhiều rắn, độc và không độc. Người Ấn Độ nào có tiền đều nuôi một con vật kia, không biết tiếng Ấn Độ gọi là gì, nhưng tiếng Pháp là Mangouste⁵. Con vật này hơi giống con chồn nên người Việt Nam gọi là chồn rắn. Nó có tài săn rắn, rắn bao to, cự với nó cũng không lại. Ai có nuôi con Mangouste thì ít bị nguy cơ chết vì rắn độc, bởi không có rắn nào vào nhà mà thoát được nó hết.

Nước Tàu không có con thú này. Nhưng họ là nước lớn, nên họ cũng cố gắng bắt chước Pháp, Anh, Mỹ là có đủ thú danh từ, mặc dù không dùng, họ cũng phải có. Nhon thấy con thú ấy to bằng con chuột cống, họ mới gọi nó là Thử (Thử là Chuột), còn Mông chỉ là phiên âm âm Mang của

⁵ chồn đèn ; cây mangut.

Pháp mà thôi. [Trái Xoài, thì tiếng Ấn Độ là Manga, họ cũng phiên âm là Mông (quả)].

Kẻ viết Phim hằng ngày cũng giống như con chồn rấn, chuyên bắt rấn độc trong xã hội. Biệt hiệu đó, ý nghĩa là như thế, chớ không hề là Đít chuột bao giờ.

Thật ra thì Mông Thử cũng chẳng hay gì hơn là Tú Sơn (Tú Sơn là biệt hiệu trào phúng của Phan Khôi, do hai tiếng Pháp « Tout seul » mà ra). Tôi không hề bám níu vào bút hiệu không hay đó. Nhưng tôi cứng đầu, lúc đó, chỉ là vì nguyên tắc mà thôi.

Ngày nay, nhớ lại câu chuyện trên đây, tôi bật cười. Tôi cười chê tôi, chớ không còn cười chê ông chủ báo đó nữa. Tôi đã làm quân tử... Tàu, khí khái xì xằng, chẳng có ích lợi gì cho tôi cả, mà cũng chẳng có ích lợi gì cho ai hết. Một cái «dớp⁶» bất kỳ vào thời nào, bất kỳ ở chơn trời nào, cũng

6 job: việc làm

đâu có dễ kiếm. Sá gì hai cái chữ nho lằng nhằng đó mà bỏ đi một công ăn việc làm. Phải chi ông ấy ra lệnh cho tôi chửi ông bố tôi thì tôi chống lại là chánh đáng, đảng này chẳng hề có chỉ thị nào cả, tôi hoàn toàn tự do, muốn viết gì mặc tôi, thì hách xì xằng để làm gì chớ. Rõ là rõ đại.

Nhưng tôi được cái an ủi nhỏ nầy là thuở đó, vài người bạn thân đã phục tôi là khí khái. Các bạn ấy cũng chỉ điên như tôi thôi, vì lũ tôi thuở ấy còn trẻ, rất dễ hăng tiết vọt, chớ có khí khái cái con khỉ khô gì đâu chớ. Giờ thì tôi nghĩ như vậy, chớ quả thật thuở đó tôi đã phồng mũi lên trước lời khen của bạn hữu.

